

TỜ KHAI Y TẾ TRƯỚC KHI RA CÔNG TRÌNH BIỂN
(Đây là tài liệu quan trọng, thông tin của anh/chị sẽ giúp cơ quan y tế liên lạc khi cần thiết để phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm).

**МЕДИЦИНСКАЯ ДЕКЛАРАЦИЯ ПЕРЕД ВЫЛЕТОМ
НА МОРСКИЕ ОБЪЕКТЫ СП «ВЬЕТСОВПЕТРО»
MEDICAL DECLARATION PRIOR TO OFFSHORE**

(This is an important document; your detailed information will be useful for Medical Center to carry out all necessary actions with the purpose of securing employee against the infectious disease)

- Họ và tên/Name/ФИО: Nam/M Nữ/F Năm sinh/DOB/Дата рождения:

- Địa chỉ/Address/Адрес:

- Địa chỉ tạm trú tại Vũng Tàu trước khi ra CTB/ Temporary address before going offshore:.....

- Số điện thoại/Tel:.....

- Đơn vị công tác/Company/ Место работы:

- Ngày ra Công trình biển/ Date of going offshore/ Дата отправки в море:

- Tên CTB/ The Name of Unit/Platform/ Наименование морского объекта :

- Tôi cam kết luôn mở điện thoại 24/7, đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt cho đến khi làm thủ tục kiểm tra tại sân bay - cảng biển vào ngày đi ca / I guarantee will be contactable 24/7 during period from now to date of going offshore: Có/Yes Không/No

Phần 01: Kiểm tra thân nhiệt (Dành cho nhân viên y tế): Body temperature test (for the medic only)

Термометрия (заполняется медработником).....

Vui lòng trả lời đúng và trung thực các câu hỏi sau đây/Пожалуйста, ответьте точно и честно на вопросы ниже:

Please answer correctly and honest the following questions:

Phần 02 /Part 02:				Có/Yes	Không/No
2.1 Có phải bạn trở về Vũng Tàu từ các tỉnh có dịch trong danh sách trên website VSP trong vòng 14 ngày tính đến ngày ra làm việc trên các công trình biển của LD Vietsovpetro không? Did you comeback to Vung Tau from epidemic provinces listed on website VSP within the last 14 days prior to the start date of working in VSP platforms? Посещали ли вы пандемических провинций в списке на веб-сайте VSP в течение последних 14 дней до даты начала работы в море на объектах ВСП? Danh sách tỉnh có dịch / List of epidemic provinces / пандемических провинций: https://www.vietsov.com.vn/Pages/KhaiBaoYTe.aspx				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2 Có phải bạn đã từ nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam trong vòng 14 ngày tính đến ngày bắt đầu vào VSP làm việc, công tác không? Have you entered Vietnam from abroad within the last 14 days prior to the start date of working in VSP? Въезжали ли вы во Вьетнам из-за границы в течение последних 14 дней до даты начала работы в СП Вьетсовпетро?				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.3 Bạn có tiếp xúc với người nào được chẩn đoán Covid 19 hoặc nghi ngờ trong 30 ngày qua? In the past 30 days, did you get in touch/ in contact with the Covid-19 implicated person and/or Covid-19 infected person? Вы контактировали с лицами, у которых было диагностировано или подозревается заражение новым штаммом коронавируса в последние 30 дней?				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.4 Vui lòng điền chi tiết hành trình và lưu trú trong 14 ngày qua (trước khi ra công trình biển) Please list out travel & residence/accommodation history in the past 14 days					
Ngày Date	Xuất phát Origin	Đích đến Destination	Phương tiện di chuyển Means of Transport	Ghi chú Remarks	
...../...../2021				14 ngày trước khi bay ra công trình biển 14 past days before mobilizing to Offshore	
...../...../2021				Ngày bay ra công trình biển Day for going to Offshore	
Phần 03: Bạn có triệu chứng viêm đường hô hấp cấp? Part 03: Do you have symptoms of the Acute Respiratory Syndrome? Часть 3: Есть ли у Вас симптомы ОРВИ?				Có Yes	Không No
Bị cúm, ho, sốt, đau họng, khó thở, giảm hoặc mất khứu giác..... Having flu, cough, fever, sore throat, breathlessness, decrease or loss of the sense of smell ...ect... Есть ли у вас такие симптомы как при гриппе или ОРВИ, кашель, высокая температура, боли в горле, проблемы с дыханием, снижение или потеря обоняния?				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

3.1 Đánh dấu vào các triệu chứng viêm đường hô hấp bạn có :

Отметьте симптомы респираторного воспаления, которые у вас есть:

Please read carefully and tick (✓) in the appropriate box if you have:

Triệu chứng/Симптом/ Symptoms	Có/Да Yes	Không/Нет No	Triệu chứng/Симптом/ Symptoms	Có/Да Yes	Không/Нет No
Sốt / ón lạnh (Жар/Озноб) Fever / chills			Ho (Кашель) Cough		
Khó thở (Затрудненное дыхание) Breathlessness			Đau họng / sổ mũi (Боль в горле/насморк) Sore throat / runny nose		
Bất kỳ bệnh không giải thích được (Необъяснимое недомогание) Have any un-explained disease:					

Bạn đã tiếp xúc với người chẩn đoán Covid 19 hoặc tiếp xúc phơi nhiễm trong 30 ngày qua không?

Вы контактировали с лицом, у которого диагностирован Covid 19, или имели незащищенные контакты в последние 30 дней?

In the last 30 days, did you get in touch/ in contact with the Covid-19 implicated and/or Covid-19 infected person?

Tiền sử tiếp xúc, phơi nhiễm Контактирование The History of contact and Covid-19 Exposure	Có/Да Yes	Không/Нет No
Tiếp xúc không được bảo vệ (trong khoảng cách chạm hoặc nói) với người có chẩn đoán đã hoặc nghi ngờ nhiễm COVID – 19. Незащищенный контакт (в пределах обычного расстояния при разговоре или касании) с лицом, у которого диагностирована или подозревается коронавирусная инфекция Get in touch/contact with the Covid-19 implicated person and/or Covid-19 infected person without protective coverall (within the normal distance of the conversation or touching)		
Tiếp xúc không được bảo vệ (trong khoảng cách chạm hoặc nói, 1m) với người mắc bệnh hô hấp cấp tính không giải thích được mà sau đó dẫn đến viêm phổi nặng hoặc tử vong. Незащищенный контакт (в пределах обычного расстояния при разговоре или касании, 1 м) с лицом, у которого после необъяснимой ОРВИ случилась тяжелая пневмония или смерть Get in touch/contact with the Covid-19 implicated person and/or Covid-19 infected person without the protective coverall (within the distance of 01 meter of the conversation or touching) and contact with an unexplained acute respiratory syndrome that subsequently leads to severe pneumonia or death.		
Phơi nhiễm/Risk по роду деятельности/ Virus Implication Đến trang trại chăn nuôi/chợ buôn bán động vật sống/cơ sở giết mổ động vật tiếp xúc động vật. Посещение животноводческих/птицеводческих ферм, скотобоен, контакты с животными Visit to livestock/poultry farms, abattoirs, animal contacts.		
Trực tiếp chăm sóc người bệnh truyền nhiễm Непосредственный уход за больными. Direct care of the infected patients.		

3. Các vấn đề khác /Другие проблемы: Others

.....
 Tôi cam kết những thông tin trên là đúng sự thật, tôi hiểu rằng nếu cung cấp sai thông tin có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Я гарантирую, что предоставленные мной сведения достоверны, полны и точны. Я осознаю, что предоставление ложных сведений может привести к серьезным последствиям.

I hereby certify that the above declaration is true and correct, I am aware that any dishonest answers may lead to the serious consequence.

Ngày/Date:/...../2021

Chữ ký của khách hàng
Pax's signature

Chữ ký bác sĩ / NVYT
Doctor/Assessor's signature